TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 27 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 11 năm 2018
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lữ Đình Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Nguyễn Văn Kiểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1972 (có mặt).

HKTT: Thôn 5, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Đường B, Ấp 5, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 3 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N sau một thời gian tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến tới hôn nhân, về chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 mới đi đăng kí kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi về chung sống với nhau đến năm 2010 thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh N thường xuyên uống rượu về nhà đập phá đồ đạc, đánh đập vợ con. Dù bản thân chị cũng đã nhiều lần khuyên nhủ anh N và cũng đã nhờ Ban tự quản thôn, Hội phụ nữ thôn hòa giải, khuyên ngăn nhưng anh N không thay đổi mà ngày càng uống rượu, đập phá đồ đạc nhiều hơn làm cho cuộc sống gia đình không hề hạnh phúc. Vì không thể sống chung với anh N được nữa nên sau khi gửi đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc chị quyết định dẫn hai cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 12/05/2010 và cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1994 đến Đồng Nai sinh sống, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay, ai biết bổn phận người đó, không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Hiện nay chị nhận thấy vợ chồng anh chị không còn cơ hội để quay về đoàn tụ vì sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng vì vậy nguyện vọng của chị là xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 4 con chung các cháu tên là:

1/ Cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1994 từ nhỏ đã bị bệnh tâm thần.

2/ Cháu Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1997.

3/ Cháu Nguyễn Văn L, sinh năm 1999.

4/ Cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 12/05/2010.

Sau khi anh chị sống ly thân thì cháu T và cháu T1 đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N thường xuyên uống rượu, say xỉn rồi đánh đập các con nên không thể nào giao con cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng vì vậy nếu ly hôn nguyện vọng của chị về con chung là xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 12/05/2010 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, đối với cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1994 từ nhỏ đã bị bệnh tâm thần việc chăm sóc cháu rất khó khăn và từ trước đến nay chỉ có mình chị chăm sóc cho cháu nên chị xin được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T.

Đối với cháu Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1997 và cháu Nguyễn Văn L, sinh năm 1999 đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên việc các cháu muốn sống với ai là quyền của các cháu, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện nay cháu T bị bệnh nên có tiền trợ cấp xã hội hàng tháng, chị Ch đang sống cùng con gái là cháu Th và đi làm thuê thu nhập hàng tháng được 5 triệu đồng nên cũng có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu vì vậy chị không yêu cầu anh Năm phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn N cố tình trốn tránh, không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tại phiên toà hôm nay, anh Nguyễn Văn N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về hôn nhân xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; Về con chung chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 12/05/2010 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, đối với cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1994 từ nhỏ đã bị bệnh tâm thần nên chị xin được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và chị không yêu cầu anh Năm phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1997 và cháu Nguyễn Văn L, sinh năm 1999 đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định Đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị Ch được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 12/05/2010 và cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1994 (từ nhỏ đã bị tâm thần) cho chị Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ch không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ch đề ngày 03/7/2018, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* " được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn N có nơi đăng kí hộ khẩu thường trú tại Thôn 5, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Văn N đã được Toà án nhân dân huyện Krông Pắc triệu tập đến phiên toà để xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn N.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ch xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn N, HĐXX nhận định: Chị Nguyễn Thị Ch và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 1993 và có đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Sau thời gian sống chung đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh N thường xuyên uống rượu về nhà đập phá đồ đạc, đánh đập vợ con. Mặc dù bản thân chị đã cố gắng khuyên nhủ và tha thứ cho anh N nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, mà ngược lại mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng và vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Theo

kết quả xác minh ngày 02/08/2018 và 7/8/2018 tại Ban tự quản và Hội Liên hiệp phụ nữ thôn 5, xã T cho thấy trong thời gian vợ chồng anh chị sinh sống tại địa phương thì vợ chồng anh chị thường xuyên xãy ra mâu thuẫn, cãi vả, đánh đập nhau. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên rượu chè, mâu thuẫn về các vấn đền con cái, kinh tế nên xảy ra xung đột. Hiện nay vợ chồng anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 7 năm 2018 đến nay. Như vậy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Ch và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống Ch không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị Nguyễn Thị Ch ly hôn với anh Nguyễn Văn N là có căn cứ, phù hợp với quy đinh tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được."

Vì vậy HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết cho chị Ch ly hôn với anh N là có căn cứ pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị Ch và anh N có 4 con là cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1994 từ nhỏ đã bị bệnh tâm thần; Cháu Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1997; Cháu Nguyễn Văn L, sinh năm 1999; Cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 12/05/2010. Anh Nguyễn Văn N không lên Tòa án làm việc nên không biết nguyện vọng của anh N về việc nuôi con như thế nào, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con. Hiện tại chị Ch và anh Năm không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2018, từ đó đến nay chị Ch là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu T1. Trong quá trình giải quyết vụ án thì cháu Nguyễn Thị Kim T1 có nguyện vọng sống với chị Ch sau khi chị Ch và anh Năm ly hôn, còn cháu T bị bênh từ nhỏ chị Ch là người trực tiếp chăm sóc cháu. Do cháu T bị bệnh nên có tiền trợ cấp xã hội hàng tháng, chị Ch đi làm thuê thu nhập hàng tháng được 5 triệu đồng và

có tiền phụ giúp của con nên cũng có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Theo kết quả xác minh tại địa phương bản thân anh N thường xuyên uống rượu, có hành vi đánh đập các con, không chăm lo được các con vì vậy để đảm bảo quyền lợi của các cháu chính quyền địa phương cũng đề nghị giao các con cho chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao các cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1994 và cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 12/05/2010 cho chị Ch tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ch không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1997; Cháu Nguyễn Văn L, sinh năm 1999 hiện nay đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và sống tự lập nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ mục 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ch được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 12/05/2010 cho chị Nguyễn Thị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1994 đã thành niên bị mất năng lực hành vi dân sự cho chị Nguyễn Thị Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ch không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0005203 ngày 06 tháng 07 năm 2018.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- THADS huyện P;
- UBND xã T;
- Đương sự
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lữ Đình Tính